

Bản án số: 18/2018/DS-PT
Ngày: 17-01-2018
“Tranh chấp về dân sự -
Thừa kế quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp về dân sự thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 362/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị Kim E (Bùi Thị E), sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp Trung P1, xã Vĩnh P2, huyện Thoại S, tỉnh An G.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn B1, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, Đồng Tháp.

2. Bà Bùi Thị Đ1, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp V, xã Vĩnh H2, huyện Châu T2, An G.

3. Ông Bùi Văn Đ2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xã Phú N2, huyện Tam N3, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T3, xã An P3, huyện Thanh B2, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Võ Văn K, sinh năm 1977.

6. Chị Võ Thị D, sinh năm 1984.

Cùng Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị Võ Thị T4, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh B, xã Phú Thuận A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Đ1, ông Bùi Văn Đ2, bà Bùi Thị C, anh Võ Văn K, chị Võ Thị D, chị Võ Thị T4 là ông Võ Văn B1, sinh năm: 1939.

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp (Theo giấy ủy quyền các ngày 22/02/2017, ngày 23/02/2017 và ngày 27/02/2017)

8. Bà Đặng Ngọc P3, sinh năm 1969.

9. Chị Bùi Thị H3, sinh năm 1992.

10. Chị Bùi Thị Bích T5, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp.

11. Chị Bùi Thị T6, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T3, xã An P3, huyện Thanh B2, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị Bích H3, chị Bùi Thị Bích T5, chị Bùi Thị T6 là ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp. (Theo giấy ủy quyền các ngày 23/02/2017 và ngày 27/02/2017)

12. Bùi Chí H3, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp của Bùi Chí H3 là ông Bùi Văn H1 (cha ruột), sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V.

Địa chỉ: Trần H4, Mỹ Đ3, T7, Hà N3.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V là ông Nguyễn Tiến T8, sinh năm 1962;

Chức vụ Phó Giám Đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V chi nhánh Thị xã Hồng N1. Địa chỉ: Lý Thường K, thị xã Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp. (Theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2017).

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1970.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim E trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Bùi Văn B3, sinh năm 1920 (chết vào ngày 02/12/2011) và cụ Trần Thị B4, sinh năm 1920 (chết vào ngày 06/12/2012), lúc sinh thời cha mẹ bà có 06 người con một: 1/ Bùi Thị Đ1, 2/ Bùi Thị B5 (đã chết - có chồng là ông Võ Văn B1 và có 03 người con: Võ Văn K, Võ Thị D, Võ Thị T4) 3/ Bùi Văn Đ2, 4/ Bùi Thị Kim E (là bà), 5/ Bùi Thị C, 6/ Bùi Văn H1, ngoài ra cha mẹ bà không có con riêng và con nuôi.

Lúc sinh thời cha mẹ bà tạo lập được khối tài sản như sau: Diện tích đất trồng lúa là 7.636m^2 đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, trong đó cha bà là ông Bùi Văn B3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.427m^2 , thuộc thửa 487, tờ bản đồ số 3 cấp lần đầu vào năm 1992, đổi lại lần 2 vào năm 2006 (qua đo đạc thực tế là 4.695m^2 , trong đó đất thuộc thửa 487 diện tích là 4.427m^2 , diện tích chưa được cấp quyền sử dụng là 268m^2), còn lại diện tích chưa kê khai, nhưng do cha bà trực tiếp canh tác, sau khi cha bà qua đời thì ông H1 làm giấy tờ, không được sự đồng ý của bà, nhưng ông H1 vẫn kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 3.209m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 3, cấp ngày 21/01/2015. Khi cha mẹ bà còn sống thì không có phân chia đất cho các con canh tác.

Năm 2011 cha bà chết không để lại di chúc, năm 2012 mẹ bà chết cũng không để lại di chúc, hiện nay tài sản cha mẹ bà để lại đất trồng lúa có diện tích là 7.636m^2 (qua đo đạc thực tế là 7.904m^2 , trong đó đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.636m^2 , đất chưa được cấp giấy là 268m^2) đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1 hiện nay do ông H1 trực tiếp quản lý và sử dụng, theo quy định pháp luật thì bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên được thừa hưởng tài sản của cha mẹ để lại.

Nay bà yêu cầu ông Bùi Văn H1 chia cho bà phần tài sản mà cha mẹ chết để lại diện tích là 7.636m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm 6 phần bằng nhau, mỗi phần là $1.272,7\text{m}^2$ (làm tròn là 1.272m^2), phần của bà được hưởng là: 1.272m^2 diện tích đất trồng lúa thuộc thửa 487, 555 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, yêu cầu chia bằng giá trị đất theo giá thị trường hiện nay là $55.000\text{đồng}/\text{m}^2$, thành tiền là $69.960.000$ đồng. Riêng phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 268m^2 cùng diện tích 1.347m^2 thuộc thửa 313, tờ bản đồ số 11 và phần đất thổ mà H1 đang quản lý thì bà không yêu cầu phân chia.

2. Bị đơn ông Bùi Văn H1 trình bày:

Phần đất tranh chấp mà bà Bùi Thị Kim E yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc như sau:

Đối với thửa đất 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.427m^2 do cha ông là ông Bùi Văn B3 đứng tên được cấp giấy chứng nhận ngày 04/8/2006, đến ngày 27/02/2009 cha ông có ký hợp đồng cho ông phân đất trên theo hợp đồng số 180/HDUQ và đã được Nhà nước công nhận hợp pháp cho ông tiếp tục sử dụng đất đến ngày 15/10/2063. Cùng thời điểm này gia đình ông có 06 thành viên trong hộ đều biết và không có ai tranh chấp, kể cả bà Bùi Thị Kim E, lý do vì ông là con út trong gia đình có trách nhiệm gìn giữ mảnh đất này là đất hương quả của tổ tiên ông bà để lại cho cha ông, ông bà nội ông có 08 người con nhưng không chia phần đất này cho ai hết mà để lại cho cha ông canh tác, gìn giữ và thờ cúng tổ tiên theo truyền thống, sau đó cha ông để lại cho ông canh tác dùng vào việc thờ cúng ông bà và theo di nguyện của người đã chết. Từ trước năm 2006 ông là người trực tiếp canh tác phần đất này cho đến năm 2011 thì cha ông qua đời ông vẫn canh tác, gìn giữ phần đất này đến nay, bà Kim E là 01 trong 06 thành viên trong gia đình, còn lại 05 người đều nhất trí ký tên

giao đất này lại cho ông (Biên bản xác lập tại UBND xã Phú T1) gìn giữ hàng năm cúng giỗ ông bà và đất này không phải của cha ông tự tạo hay mua lại của người khác mà là của tông chi tộc họ để lại từ nhiều đời trước, do đó ông không đồng ý chia phần đất này cho bà E.

Còn riêng đối với thửa đất 555, tờ bản đồ số 3, diện tích là 3.209m² mà bà Kim E yêu cầu chia là phần đất của cô ruột ông (bà Bùi Thị N4), đất này thuộc diện lung, địa không có canh tác trồng lúa mà dùng vào việc bắt cá, vào năm 1990 trước khi qua đời cô ông đã bán lại cho chị hai của ông là bà Bùi Thị Đ1 với giá 01 chỉ vàng, vì chị ông thấy ông chuyên cần làm ruộng nên ủy quyền lại cho ông trực tiếp quản lý và khai thác đất lung, địa này (việc ủy quyền này có Biên bản hòa giải ở xã Phú T1 mà chị ông bà Bùi Thị Đ1 công nhận), từ năm 2006 ông đã cố gắng gìn giữ đất địa để trang trải, cứ mỗi năm trang sửa một ít tốn kém rất nhiều chi phí và công sức, khoảng 10 năm mới hoàn chỉnh được số diện tích 3.209m² thành đất trồng lúa, chính vì vậy mà ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2015, do đó việc bà Kim E yêu cầu chia thừa kế thửa đất này là không hợp pháp, vì đất này không phải của cha mẹ để lại mà nguồn gốc là của chị ruột để lại và ông là người đã bỏ công sức ra để gìn giữ, trang trải mới có diện tích đất trồng lúa như ngày hôm nay, do đó ông không đồng ý chia phần đất này cho bà Kim E.

Ông H1 thừa nhận khi cha mẹ còn sống thì không có phân chia đất cho các con. Toàn bộ diện tích đất trên hiện ông cùng với vợ con ông đang canh tác, không có cầm cố cho ai, chỉ có thể chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã Hồng N1.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã Hồng N1 yêu cầu ông cùng bà P3 (vợ ông), chị Bùi Thị H3 (con ông), chị Bùi Thị Bích T5 (con ông) trả số nợ vay gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017 là 530.000 đồng thì gia đình ông thống nhất trả nợ cho Ngân hàng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Võ Văn B1 - Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Đ1, ông Bùi Văn Đ2, bà Bùi Thị C, anh Võ Văn K, chị Võ Thị D, chị Võ Thị T4 trình bày:

Ông B1 là chồng của bà Bùi Thị B5 (đã chết) là chị ruột của ông Bùi Văn H1 và bà Bùi Thị Kim E, vợ chồng ông B1 có 03 người con là Võ Văn , Võ Thị D, Võ Thị T4, đối với yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa ông H1 và bà Kim E thì cha con ông B1 không có yêu cầu chia phần đất này mà để lại cho ông H1 quản lý, sử dụng, canh tác dùng vào việc thờ cúng ông bà.

Đối với thửa đất 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.427m² thì đúng là đất của cha, mẹ vợ ông B1 để lại cho H1 canh tác; đối với thửa đất 555, tờ bản đồ số 3, diện tích là 3.209m² thì đúng như trình bày của H1, không phải là đất của cha, mẹ vợ ông B1 để lại.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V - Chi nhánh Thị xã Hồng N1 - Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến T8 trình bày:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh thị xã Hồng N1 trước đây có cho hộ ông Bùi Văn H1 vay tiền gốc là 40.000.000đ, đến nay hộ ông H1 đã trả được tiền gốc là 15.000.000đ, hiện tiền gốc chỉ còn nợ là 25.000.000 đồng, nay đất thế chấp cho Ngân hàng phát sinh tranh chấp nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn H1, bà Đặng Ngọc P3 (vợ ông H1), chị Bùi Thị H3 (con ông H1), chị Bùi Thị Bích T5 (con ông H1) có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh thị xã Hồng N1 số tiền gốc là 25.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017 là 530.000 đồng và phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 6508LAV201606024 ngày 19 tháng 7 năm 2016 cho đến khi trả xong nợ.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1 đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim E.

+ Buộc ông Bùi Văn H1 chia thừa kế cho bà Bùi Thị Kim E giá trị quyền sử dụng đất diện tích 830m² với số tiền là 45.650.000 đồng

+ Ông Bùi Văn H1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 7.636m² thuộc thửa 487, 555 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp do ông Bùi Văn H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/3/2009 và ngày 21/01/2015.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến 8 với ông Bùi Văn H1 - đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5: ông Bùi Văn H1, bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5 đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, chi nhánh thị xã Hồng N1 số tiền gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2017 là 530.000 đồng và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng số 6508LAV201606024 ngày 19 tháng 7 năm 2016 cho đến khi thi hành án xong

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.282.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 795.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00695 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng N1, bà Bùi Thị Kim E còn phải nộp tiếp 1.487.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Bùi Văn H1, bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.276.500 đồng.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V, chi nhánh thị xã Hồng N1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.050.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 00874 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng N1.

- Về chi phí thẩm định và định giá:
- + Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim E phải chịu 435.000 đồng (đã nộp xong);
- + Ông Bùi Văn H1 có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Kim E số tiền là 3.569.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/10/2017, ông Bùi Văn H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Kim E về việc yêu cầu ông H1 chia thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất 830m² với số tiền là 45.650.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Kim E đối với bị đơn là ông Bùi Văn H1 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất 487 và thửa 555 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, Huyện Hồng N1 do ông Bùi Văn H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; phù hợp theo quy định tại khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng của ông Bùi Văn H1 đối với một phần nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; Ông H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Kim E về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã đủ cơ sở để xác định phần đất mà các bên đang có tranh chấp để nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cụ B3, cụ B4 (cha mẹ của nguyên

đơn và bị đơn). Khi cụ B3 chết (năm 2011); cụ B4 chết (năm 2012) đều không để lại di chúc.

- Nguyên đơn, bị đơn xác định, cụ B3, cụ B4 sống chung có tất cả 06 người con: 1/ Bùi Thị Đ1; 2/ Bùi Thị B5 (đã chết - có chồng là ông Võ Văn B1 và 03 người con là Võ Văn K; Võ Thị D; Võ Thị T4); 3/ Bùi Văn Đ2; 4/ Bùi Thị Kim E; 5/ Bùi Thị C; 6/ Bùi Văn H1. Đồng thời, các đương sự đều xác định cụ B3, cụ B4 không có con riêng và con nuôi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài nguyên đơn là bà Bùi Thị Kim E và Bị đơn là ông Bùi Văn H1 thì các đương sự còn lại thống nhất không yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất của cụ B3, cụ B4 để lại.

- Tài sản mà sau khi cụ B3, cụ B4 chết để lại gồm: Diện tích đất trồng lúa là 7.636m², thuộc các thửa 487, 555 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, Huyện Hồng N1, hiện nay do ông Bùi Văn H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng. Đối với, phần đất tại thửa 487, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.427m², các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ B3, cụ B4. Theo bị đơn là ông H1 trình bày thì vào năm 2009, cụ B3 đã làm hợp đồng cho ông số đất nêu trên để thờ cúng ông, bà, không được phân chia. Nhưng căn cứ vào hợp đồng ngày 27/02/2009, thì đây chỉ là hợp đồng ủy quyền để ông H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn đối với thửa 555, tờ bản đồ số 3, diện tích là 3.209m², ông H1 cho rằng nguồn gốc đất là của bà cô ruột tên Bùi Thị N4 (đã chết) sang nhượng cho bà Đ1, bà Đ1 cho lại ông, nhưng đây chỉ là lời trình bày của bà Đ1 và ông H1; căn cứ vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014 có ghi nguồn gốc đất là của cha để lại. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tại thửa 487, thửa 555 tờ bản đồ số 3 hiện do ông H1 đứng tên là di sản thừa kế của cụ B3, cụ B4 để lại là phù hợp. Tuy nhiên, theo Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Căn cứ vào hồ sơ đăng ký QSDĐ ban đầu thì phần đất tại thửa 487 cấp cho hộ ông Bùi Văn B3 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hộ tại thời điểm cấp giấy gồm có 05 nhân khẩu (gồm có cụ B3, cụ B4, bà Đ1, bà C và ông H1) và đã chia bình quân diện tích đất tại thửa 487 cho các thành viên trong hộ mỗi người tương đương diện tích 885,4m²; sau đó, lấy phần của cụ B3, cụ B4 được diện tích là 1.770,8m² để chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn và nhận định phần diện tích còn lại thuộc quyền sử dụng của các hành viên trong hộ. Với nhận định như trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chưa phù hợp. Bởi vì, đã xác định diện tích đất tại thửa 487, thửa 555 tờ bản đồ số 3 là di sản của cụ B3, cụ B4 để lại; cụ B3, cụ B4 chết không để lại di chúc thì phần di sản được chia theo quy định tại khoản 2 điều 651 Bộ luật dân sự nghĩa là những người thừa thế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Nhưng với nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, bà Kim E là nguyên đơn cũng thống nhất, không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

Như đã phân tích ở trên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tại thửa 487, tờ bản đồ số 3 là phần đất được cấp cho hộ nên phần di sản được chia cho bà Kim E chỉ là phần của cụ B3, cụ B4 gộp lại chứ không lấy toàn bộ diện tích

tại thửa 487 như vậy là đã có lợi cho ông H1 trong việc giao cho ông H1 tiếp tục quản lý, sử dụng hai thửa đất 487 và thửa 555, ông H1 có nghĩa vụ bồi giá trị phần di sản được chia cho bà Kim E với số tiền là 45.650.000 đồng. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1 nên ông H1 phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

- Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 651 Bộ luật dân sự; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văm H1;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N1;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim E.

+ Buộc ông Bùi Văm H1 chia thửa kế cho bà Bùi Thị Kim E giá trị quyền sử dụng đất diện tích 830m² với số tiền là 45.650.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm năm chục nghìn đồng);

+ Ông Bùi Văm H1 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 7.636m² thuộc thửa 487, 555 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Phú L, xã Phú T1, huyện Hồng N1, tỉnh Đồng Tháp do ông Bùi Văm H1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 24/3/2009 và ngày 21/01/2015.

- Công nhận thỏa thuận của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V với ông H1, bà P3, chị H3, chị T5 cụ thể như sau:

+ Ông Bùi Văm H1, bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5 đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V - chi nhánh thị xã Hồng N1 số tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2017 là 530.000 đồng;

+ Ông Bùi Văm H1, bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5 tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết cho đến khi trả nợ xong;

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Bùi Thị Kim E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.282.500 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 795.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00695 ngày 06/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Hồng N1. Như vậy, bà Bùi Thị Kim E còn phải nộp tiếp 1.487.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Bùi Văn H1, bà Đặng Ngọc P3, chị Bùi Thị H3, chị Bùi Thị Bích T5 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.276.500 đồng.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V - chi nhánh thị xã Hồng N1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.050.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00874 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng N1.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Kim E đã nộp tạm ứng tổng cộng là: 4.004.000 đồng;

+ Bà Bùi Thị Kim E phải chịu 435.000 đồng (đã nộp xong);

+ Ông Bùi Văn H1 có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Kim E số tiền là 3.569.000 đồng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Hồng N1;
- Chi cục THADS H. Hồng N1;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh